

he trust?

7. Ai nói, “Nguyện lời nói của miệng tôi, sự suy gẫm của lòng tôi được đẹp ý Ngài”?

Who has said, “May the word of my mouth and the mediation of my heart be pleasing in Your sight”?

8. Ở đâu chép, “Tôi sẽ hát ngợi khen Đức Giêhôva, vì Ngài đã làm ơn cho tôi?”

Where is it written, “I will sing to the LORD, for He has been good to me”?

9. Trừ Đức Giêhôva ra, ai là Đức Chúa Trời?

“Who is God besides the LORD”?

10. Ở đâu chép, “Cầu Chúa bảo hộ tôi như con người của mắt, hãy áp tôi dưới bóng cánh Chúa”?

Where is it written, “Keep me as the apple of Your eye, hide me in the shadow of Your wing”?

11. Người nào trong lòng nói rằng, “Chẳng có Đức Chúa Trời”?

Who says in his heart that, “There is no God”?

Câu gốc tuần trước:

**HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH
JOURNEY THROUGH THE BIBLE**

#49 (05.05.2019)

Thi Thiên 3-12 (Psalm 3-12)

Họ-Tên: _____

1. Ở đâu chép, “Nhưng, hỡi Đức Giêhôva, Ngài là cái khiên che chở tôi; Ngài là sự vinh hiển tôi, và là Đấng làm cho tôi ngước đầu lên”?

Where is it written, “But You are a shield around me, O LORD, You bestow glory on me and lift up my head”?

2. Ở đâu ghi lại rằng kẻ ác trong tư tưởng là người vô thần?

Where is it written that there is no room of God in the wicked person’s thought?

3. Ai làm nha sĩ cho kẻ ác?

Who was the wicked’s dentist?

4. Ở đâu chép, “Hãy dâng sự công bình làm của lễ, và để lòng tin cậy nơi Đức Giêhôva”?

Where is it written, “Offer right sacrifices and trust in the LORD”?

5. Thi thiên nào cho biết con người là loài thọ tạo cao nhất?

Which psalm regarded man as the highest creature?

6. Đavít ví sánh các Lời của Chúa trong sạch như bạc đã luyện được mấy lần? David compared the Word of God like silver refined how many times?

7. Ở đâu chép, “Nhưng phàm ai nương náu mình nơi Chúa sẽ khoái lạc, cất tiếng reo mừng mãi mãi, vì Chúa bảo hộ các người ấy; Kẻ nào ái mộ danh Chúa, cũng sẽ nức lòng mừng rỡ nơi Chúa”?

Where is it written, “But let all who take refuge in You be glad; let them ever

sing for joy. Spread Your protection over them, that those who love Your name may rejoice in You”?

8. Ở đâu chép, “Vì trong sự chết chẳng còn nhớ đến Chúa nữa; nơi âm phủ ai sẽ cảm tạ Chúa?”

Where is it written, “No one remembers You when he is dead. Who praises You from the grave”?

09. Ở đâu chép, “Đức Giêhôva sẽ làm nơi ẩn náu cao cho kẻ bị hà hiếp, một nơi náu ẩn cao trng thì gian truân”?

Where is it written, “The LORD is the refuge for the oppressed, a stronghold in times of trouble.”?

10. Theo một thi thiên của Đavít, ngoài việc ngủ nghỉ, chúng ta nên làm gì nữa ở trên giường?

According to one of David’s psalm, beside sleeping, what else should we do on our beds”?

11. Ngôi của Chúa được đặt ở đâu, theo như thi thiên Đavít đã làm?

Where is the LORD’s throne located, according to David’s psalm?

12. Ở đâu chép, “Người thiếu thốn sẽ không bị bỏ quên luôn luôn, và kẻ khốn cùng chẳng thất vọng mãi mãi?”

Where is it written, “But the needy will not always be forgotten, nor the hope of the afflicted ever perish”?

Câu gốc tuần trước:

HÀNH TRÌNH XUYÊN KINH THÁNH JOURNEY THROUGH THE BIBLE

#50 (12.05.2019)

Thi Thiên 13-22 (Psalms 13-22)

Họ-Tên: _____

1. Ở đâu chép, “Chúa là Thánh, Ngài là Đấng ngự giữa sự khen ngợi của Ysơraên”?

Where is it written, “You are enthroned as the Holy One; You are the praise of Israel”?

2. “Vì vua tin cậy nơi Đức Giêhôva” nên sẽ không bị điều gì?

“For the king trust in the LORD” so what will not happen to him?

3. Chúa sẽ làm gì cho những “kẻ hay thương xót”?

What God will show “to the faithful”?

4. Ai đã quyết định rằng, “miệng tôi sẽ không phạm tội”?

Who had resolved “that my mouth will not sin”?

5. Ở đâu chép, “Vì Chúa sẽ chẳng bỏ linh hồn tôi trong âm phủ, cũng không để cho người thánh Chúa thấy sự hư nát”?

Where is it written, “Because You will not abandon me to the grave, nor will You let Your Holy One see decay”?

6. Đavít tự hào, “Kẻ nay nhờ cậy xe cộ, kẻ khác nhờ cậy ngựa,” nhưng còn ông thì nhờ cậy điều gì?”

David boasts that “some trust in chariots and some in horses,” but in what does